

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PVD8+PBDA	7:25	13+2+2	0+0+0		10+1+8	0+0+0	chuyen 1 savr-pbda
2		MIRM+RC3+RP1	7:25	5+3+11	0+0+0		3+1+17	0+0+0	
3		PBDA+BK16+CTK3	9:25	8+1+10	0+0+0		7+0+9	0+0+0	chuyen 1 bk16-ctk3
4		PPD+BK5+P4	9:25	19+2+0	0+0+0		10+0+5	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: SAVR - PVD8 - PBDA	CREW: HUNG - ĐNAM - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2807	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI ANH TÚ	SAVR	87-88	2	16			71	KHOAN	Vietnamese
2	LƯU ĐÌNH TRỌNG	SAVR	85	1	15	2	12	80	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	SAVR	86	1	12			76	DVL	Vietnamese
4	MAI VĂN DƯƠNG	SAVR	82	1	13			84	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LONG	SAVR	83	1	16			67	DVL	Vietnamese
6	ÔNG VĂN NĂM	SAVR	84	1	14			58	BAKER HUGHES	Vietnamese
7	KALMYKOV VLADIMIR	SAVR	77	1	13			120	AMHGP	Russian
8	ALEKSASHKOV USTIN	SAVR	74	1	11			81	AMHGP	Russian
9	MARKOV KONSTANTIN	SAVR	75-76	2	7			86	AMHGP	Russian
10	NGUYỄN VĂN DŨNG	SAVR	72	1	10			69	MINH MINH	Vietnamese
11	LÂM VĂN NGHĨA	SAVR	78-79	2	9			82	MINH MINH	Vietnamese
12	NGUYEN ANH DUC	SAVR	80-81	2	10			58	DMC-MI	Vietnamese
13	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	73	1	13			86	AMHGP	Russian
14	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PVD8	23	1	8			88	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PVD8	24	1	5			57	PSV	Vietnamese
16	DƯƠNG PHÚ TÀI	PBDA	52-53	2	19			75	MINH MINH	Vietnamese
17	MAI VĂN SANG	PBDA	54-56	3	20	1	15	87	MINH MINH	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU KHOA	PBDA	57	1	6			50	MINH MINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.018	17	159	2	12	11	1	CHUYEN 1 PAX SAVR SANG PBDA
2	PVD8	2	145	2	13	0	0	1		
3	PBDA	3	212	6	45	1	15	8		
TOTAL		18	1.375	25	217	3	27	20		
WEIGHT KG			1.375		217		27			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

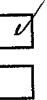
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VÀNG-1	TO: MRM - RC3 - RP1	CREW: DU'ONG - N.ANH - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/2809		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PIMAKIN OLEG	MRM	69	1	12			123	AMHGP	Russian
2	PHẠM VĂN HOÀNG	MRM	70	1	3			62	AMHGP	Vietnamese
3	TRẦN HỮU THỌ	MRM	73	1	6			92	AMHGP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DŨNG	MRM	71	1	11	5	53	59	AMHGP	Vietnamese
5	BOBRETsov VADIM	MRM	72	1	7			84	AMHGP	Russian
6	BÙI THÊ DIÊN	RC3	82	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ CÔNG TIẾN	RC3	81	1	13			76	ANTOAN	Vietnamese
8	LƯƠNG MẠNH HÀ	RC3	80	1	10	2	19	71	ANTOAN	Vietnamese
9	TẶNG THÀNH DÂN	RP1	14	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUÔI	RP1	22-23	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ VĂN DUẤN	RP1	21	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH ĐỨC THIÊN	RP1	15-16	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
13	HỒ SỸ HÙNG	RP1	26	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HÙNG	RP1	24-25	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SANG	RP1	19-20	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN QUANG PHÚC	RP1	29-30	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN NHƯ PHƯƠNG	RP1	27-28	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THÀNH	RP1	31,400	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN LAM	RP1	17-18	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	5	420	5	39	5	53	3		
2	RC3	3	218	3	29	2	19	1		
3	RP1	11	778	19	184	0	0	17		
TOTAL		19	1.416	27	252	7	72	21		
WEIGHT KG			1.416		252		72			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PBDA - BK16 - CTK3	CREW: HUNG - ĐNAM - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/2808		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI BẠCH DUƠNG	PBDA	48-49	2	14			75	DVL	Vietnamese
2	SHOKHIN IGOR	PBDA	41	1	13			105	AMHGP	Russian
3	AMELIN ALEKSEI	PBDA	39-40	2	13			104	AMHGP	Russian
4	NGUYỄN HOÀNG AN	PBDA	43	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THÁI SƠN	PBDA	46-47	2	13			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC HÙNG	PBDA	42	1	10	3	50	69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN DUY KHANH	PBDA	44-45	2	21			78	KH-THAC	Vietnamese
8	CHUSH MAKSIM	PBDA	50	1	13			107	KHOAN	Russian
9	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	BK16	39,42	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÌNH QUANG HÀ	CTK3	83-84	2	21			73	ANTOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN TÌNH	CTK3	82	1	15	2	40	65	ANTOAN	Vietnamese
12	CAO VĂN THẮNG	CTK3	76	1	8			75	WOGC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HUY	CTK3	80-81	2	22			64	T-TIN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	79	1	7			58	PSV	Vietnamese
15	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	77	1	6			67	PSV	Vietnamese
16	LÊ DUY HẢI	CTK3	74	1	4			75	PSV	Vietnamese
17	VŨ NGỌC HÙNG	CTK3	75	1	7			60	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN MINH	CTK3	78	1	5			78	PSV	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH LÂM MINH	CTK3	87	1	15			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	8	695	12	108	3	50	7		
2	BK16	1	76	2	15	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX BK16-CTK3
3	CTK3	10	690	12	110	2	40	9		
TOTAL		19	1.461	26	233	5	90	16		
WEIGHT KG			1.461		233		90			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Gửi lửa cho Tương lai

DATE: 25/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TRẮNG-2	TO: PPD - BK5 - P4	CREW: DƯƠNG - N.ANH - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/2810		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	PPD	30	1	4	3	35	73	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NGHĨA	PPD	45-46	2	13	1	5	59	KHI	Vietnamese
3	THÁI TRẦN PHONG	PPD	58	1	15			70	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG HỮU VINH QUY	PPD	43	1	13			78	CODIEN	Vietnamese
5	VÕ TIẾN PHỤNG	PPD	52-53	2	15			73	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN PHÚ	PPD	41-42	2	16			67	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TRUNG	PPD	36	1	10	1	14	80	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ THANH MINH	PPD	35	1	9			67	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG VŨ	PPD	38-39	2	13			53	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	44	1	6			75	PSV	Vietnamese
11	BÙI XUÂN ĐIỆP	PPD	32	1	7			63	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	31	1	3			51	PSV	Vietnamese
13	VŨ THẾ LIÊN	PPD	33	1	5			64	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH ĐỒNG	PPD	40	1	3			45	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	34	1	3			67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUC	PPD	49-50	2	17			60	QUYETHANG	Vietnamese
17	NGUYEN SY TU	PPD	51	1	8			68	QUYETHANG	Vietnamese
18	TRAN VAN THONG	PPD	48	1	6			65	QUYETHANG	Vietnamese
19	TRAN VAN HONG	PPD	47	1	10			76	QUYETHANG	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUÂN	BK5	63	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC HÀ	BK5	61	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.254	24	176	5	54	10		
2	BK5	2	133	2	24	0	0	0		
3	P4	0	0	0	0	1	7	11		
TOTAL		21	1.387	26	200	6	61	21		
WEIGHT KG			1.387		200		61			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGHIÊM VIỆT ANH

